

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 6A1

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Y ĐAN NIỀ	54878678	13/8/2013	Nam	Ê Đê	Lớp 6A1	
2	HOÀNG THIÊN ÂN	66654516-00-3814	21/10/2014	Nam	Nùng		
3	ĐỖ NGỌC BẢO ANH	66654516-00-3778	10/02/2013	Nam	Kinh		
4	NÔNG VIỆT ANH	66654516-00-3787	03/6/2014	Nam	Nùng		
5	VY THỊ HÀ ANH	66654516-00-3810	21/4/2014	Nữ	Nùng		
6	H NGHIÊM AYŨN	66654516-00-3812	30/10/2013	Nữ	Ê-đê		
7	H SUYỀN AYŨN	66654516-00-3792	30/6/2013	Nữ	Ê-đê		
8	H NHÂN AYŨN	66654516-00-3779	19/01/2014	Nữ	Ê-đê		
9	H NHUỆT AYŨN	66654516-00-3783	01/02/2014	Nữ	Ê-đê		
10	Y ZIKÔ AYŨN	66654516-00-3781	04/02/2014	Nam	Ê-đê		
11	LÊ QUỐC BẢO	66654516-00-3813	13/8/2014	Nam	Tày		
12	H DURI BKRÔNG	66654516-00-3798	29/3/2013	Nữ	Ê-đê		
13	H SALY BYÃ	66654516-00-3817	19/9/2014	Nữ	Ê-đê		
14	Y THOI BYÃ	66654516-00-3793	18/8/2014	Nam	Ê-đê		
15	NGUYỄN HỮU DUY	66654516-00-3786	14/01/2013	Nam	Nùng		
16	TRẦN NHẬT DUY	66654516-00-3803	07/11/2014	Nam	Kinh		
17	LÝ HOÀNG GIA	66654516-00-3794	29/12/2014	Nam	Nùng		
18	LÊ NGỌC GIA HÂN	66654516-00-3808	28/02/2014	Nữ	Kinh		
19	H UYN KBUÔR	66654516-00-3788	20/9/2014	Nữ	Ê-đê		
20	QUỐC ANH KBUÔR	66654516-00-3805	28/3/2014	Nam	Ê-đê		
21	LỤC HOÀNG DUY KHÂN	66654516-00-3789	10/12/2013	Nam	Nùng		
22	PHẠM HỒ ĐĂNG KHOA	66654516-00-3806	10/10/2014	Nam	Kinh		
23	NGUYỄN TRUNG KIÊN	66654516-00-3815	12/01/2014	Nam	Kinh		
24	H NHIN KRIÊNG	66654516-00-3784	08/3/2014	Nữ	Ê-đê		
25	ĐẶNG GIA LÂM	66654516-00-3804	05/4/2014	Nam	Nùng		
26	NGUYỄN VÕ NHẬT LINH	66654516-00-3807	15/8/2014	Nữ	Kinh		
27	VƯƠNG VĂN HOÀNG LỘC	66654516-00-3791	28/01/2014	Nam	Nùng		
28	Y NGÔ MLÔ	66654516-00-3785	06/10/2012	Nam	Ê-đê		
29	LÝ THỊ KIM NGÂN	66654516-00-3801	16/10/2014	Nữ	Nùng		
30	TRIỆU YẾN NHI	66654516-00-3800	29/9/2014	Nữ	Nùng		
31	H EN GI NIỀ	66654516-00-3790	28/9/2013	Nữ	Ê-đê		
32	H PHYRIN NIỀ	66654516-00-3797	17/12/2014	Nữ	Ê-đê		
33	H SURIN NIỀ	66654516-00-3795	28/4/2014	Nữ	Ê-đê		
34	H VILA NIỀ	66654516-00-3796	24/4/2014	Nữ	Ê-đê		
35	Y NẾP NIỀ	66654516-00-3780	14/4/2013	Nam	Ê-đê		
36	Y ZANY NIỀ	66654516-00-3782	26/4/2014	Nam	Ê-đê		
37	ĐÀM THỊ HƯƠNG TRÀ	66654516-00-3809	01/02/2014	Nữ	Nùng		
38	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÀ	66654516-00-3816	26/01/2014	Nữ	Kinh		
39	NGUYỄN THỊ NGỌC VY	66654516-00-3802	01/02/2014	Nữ	Kinh		
40	DIỆP THANH XOAN	66654516-00-3799	04/4/2014	Nữ	Nùng		
41	MAI NHƯ Ý	66654516-00-3811	10/5/2014	Nữ	Kinh		

Ea Phê, ngày 15 tháng 08 năm 2025

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 6A2

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	TRẦN BÀNG BẢO THIÊN	66654516-00-3843	28/10/2014	Nam	Kinh		
2	ĐÀO VŨ LAN ANH	66654516-00-3849	25/11/2014	Nữ	Kinh		
3	H NA VY AYŨN	66654516-00-3830	03/6/2013	Nữ	Ê-đê		
4	H PHI LÊ AYŨN	66654516-00-3846	22/6/2014	Nữ	Ê-đê		
5	Y GIA MINH AYŨN	66654516-00-3838	28/3/2014	Nam	Ê-đê		
6	Y NA PHÔN AYŨN	66654516-00-3820	19/12/2013	Nam	Ê-đê		
7	H CHEM AYŨN	66654516-00-3829	29/10/2014	Nữ	Ê-đê		
8	H ĐAN RÊ AYŨN	66654516-00-3823	06/01/2014	Nam	Ê-đê		
9	H MI TRA AYŨN	66654516-00-3832	21/01/2014	Nữ	Ê-đê		
10	H PHA LÊ AYŨN	66654516-00-3831	09/5/2014	Nữ	Ê-đê		
11	Y THIÊN AYŨN	66654516-00-3824	08/10/2013	Nam	Ê-đê		
12	H TUYẾT BKRÔNG	66654516-00-3828	08/3/2014	Nữ	Ê-đê		
13	Y KÔ RA BKRÔNG	66654516-00-3834	04/01/2014	Nam	Ê-đê		
14	H BI LI BYÃ	66654516-00-3836	22/5/2014	Nữ	Ê-đê		
15	LUÂN NHẬT GIA	66654516-00-3833	18/3/2014	Nam	Nùng		
16	LỤC KHÁNH GIANG	66654516-00-3839	13/7/2014	Nữ	Nùng		
17	HỒ NGỌC HÂN	66654516-00-3848	12/4/2014	Nữ	Kinh		
18	LÝ NGỌC HÂN	66654516-00-3840	08/10/2014	Nữ	Tày		
19	NÔNG TUYẾT HÂN	66654516-00-3841	17/4/2014	Nữ	Nùng		
20	BÙI TRUNG HIỆU	66654516-00-3827	03/10/2013	Nam	Kinh		
21	NGUYỄN GIA HUY	66654516-00-3853	18/9/2014	Nam	Kinh		
22	LÊ HỒNG THẢO HUYỀN	66654516-00-3845	11/7/2014	Nữ	Kinh		
23	H SA LÊ NA KBUÔR	66654516-00-3847	05/01/2014	Nữ	Ê-đê		
24	Y THƯƠNG KBUÔR	66654516-00-3818	29/4/2014	Nam	Ê-đê		
25	H DUẨN KTLA	66654516-00-3837	06/6/2014	Nữ	Ê-đê		
26	Y TIỀM KTLA	66654516-00-3821	04/3/2013	Nam	Ê-đê		
27	NGUYỄN TÂN LỘC	66654516-00-3835	19/10/2014	Nam	Kinh		
28	LÊ TUẤN MINH	66654516-00-3851	11/6/2014	Nam	Kinh		
29	LƯƠNG BÍCH NGỌC	66654516-00-3825	08/7/2014	Nữ	Ê-đê		
30	THẨM AN NHIÊN	66654516-00-3842	09/10/2014	Nữ	Nùng		
31	H ANH NIÊ	66654516-00-3854	17/02/2013	Nữ	Ê-đê		
32	Y DUẨN NIÊ	66654516-00-3826	28/7/2014	Nam	Ê-đê		
33	Y RIKÔ NIÊ	66654516-00-3819	31/10/2013	Nam	Ê-đê		
34	Y TÂM NIÊ	66654516-00-3822	18/02/2014	Nam	Ê-đê		
35	ĐÌNH GIA PHÚC	66654516-00-3850	30/12/2014	Nam	Kinh		
36	LÂM HÀ HƯNG THỊNH	66654516-00-3852	12/3/2014	Nam	Nùng		
37	NGUYỄN MINH THU	66654516-00-3844	13/10/2014	Nữ	Kinh		

Ea Phê, ngày 15 tháng 08 năm 2025

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 6A3

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	66654516-00-3889	12/12/2014	Nữ	Kinh		
2	Y CHANG GU BKRÔNG	66654516-00-3893	20/6/2013	Nam	Ê-đê		
3	Y ZA LIN BKRÔNG	66654516-00-3857	30/5/2014	Nam	Ê-đê		
4	THẨM TRIỆU ĐĂNG	66654516-00-3860	08/4/2014	Nam	Tày		
5	HOÀNG NGỌC DIỄM	66654516-00-3861	06/7/2014	Nữ	Nùng		
6	HOÀNG LÝ NGỌC DIỆP	66654516-00-3884	26/01/2014	Nữ	Nùng		
7	HỨA NGỌC DIỆP	66654516-00-3870	24/10/2014	Nữ	Nùng		
8	ĐỖ NGỌC DOANH	66654516-00-3879	27/8/2014	Nam	Ê-đê		
9	TRIỆU KHÁNH DUY	66654516-00-3874	25/9/2014	Nam	Nùng		
10	NÔNG NGỌC HÂN	66654516-00-3877	17/3/2014	Nữ	Nùng		
11	VÕ ĐĂNG KHOA	66654516-00-3875	07/4/2014	Nam	Kinh		
12	HOÀNG ANH KIỆT	66654516-00-3855	25/8/2014	Nam	Nùng		
13	Y DUYNH KTLA	66654516-00-3869	12/02/2014	Nam	Ê-đê		
14	HOÀNG BẢO LAM	66654516-00-3866	08/9/2014	Nữ	Nùng		
15	HOÀNG THỊ NGỌC LAN	66654516-00-3858	20/4/2014	Nữ	Nùng		
16	LƯƠNG KHÁNH LINH	66654516-00-3892	28/8/2014	Nữ	Kinh		
17	NGUYỄN NIỀ HOÀNG LỘC	66654516-00-3886	03/02/2014	Nam	Kinh		
18	VÕ MINH NGUYỆT MLỖ	66654516-00-3883	07/9/2014	Nữ	Ê-đê		
19	LƯƠNG GIA NGHĨA	66654516-00-3871	13/8/2014	Nam	Nùng		
20	LA CHỈ NGUYỄN	66654516-00-3888	08/7/2014	Nam	Kinh		
21	HOÀNG HÀ NHI	66654516-00-3882	03/6/2014	Nữ	Nùng		
22	TÔ YẾN NHI	66654516-00-3862	16/3/2014	Nữ	Nùng		
23	H LI NIỀ	66654516-00-3891	02/6/2014	Nữ	Ê-đê		
24	H SA MA NIỀ	66654516-00-3880	16/9/2014	Nữ	Ê-đê		
25	Y ĐỒ NI NIỀ	66654516-00-3856	07/01/2014	Nam	Ê-đê		
26	Y PHI NIỀ	66654516-00-3865	21/6/2014	Nam	Ê-đê		
27	HỨA THỊ KIM OANH	66654516-00-3878	20/02/2014	Nữ	Nùng		
28	LUÂN KHẢI PHONG	66654516-00-3863	17/10/2013	Nam	Nùng		
29	NÔNG VĂN PHƯỚC	66654516-00-3868	20/8/2014	Nam	Nùng		
30	VY THỊ NGỌC QUỲNH	66654516-00-3872	21/11/2014	Nữ	Nùng		
31	NGUYỄN KHẢ THỊ THẠNH	66654516-00-3873	11/12/2014	Nữ	Kinh		
32	LƯƠNG TRẦN NHẬT THỊ	66654516-00-3859	29/7/2014	Nam	Nùng		
33	GIÁP NGUYỄN NGỌC TRẦN	66654516-00-3881	10/5/2014	Nữ	Kinh		
34	LUÂN THỊ HOÀNG TƯỜNG	66654516-00-3876	26/3/2014	Nữ	Nùng		
35	Y SÊ YỖ AY ỪN	66654516-00-3867	30/12/2014	Nam	Ê-đê		
36	LÔ QUỐC VIỆT	66654516-00-3864	17/7/2012	Nam	Nùng		
37	ĐÌNH HOÀNG VŨ	66654516-00-3885	05/8/2014	Nam	Tày		
38	TRẦN THỊ NGỌC VY	66654516-00-3890	18/02/2014	Nữ	Kinh		
39	TRIỆU VY	66654516-00-3887	25/7/2014	Nữ	Nùng		

Ea Phê, ngày 15 tháng 08 năm 2025

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 6A4

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	HOÀNG NGỌC QUỲNH ANH	66654516-00-3910	20/9/2014	Nữ	Kinh		
2	Y QUỲ AYÛN	66654516-00-3906	29/6/2014	Nam	Ê-đê		
3	Y KHE LI AYÛN	66654516-00-3905	27/6/2013	Nam	Ê-đê		
4	NGUYỄN THỊ NGUYỆT CẨM	66654516-00-3932	01/01/2014	Nữ	Kinh		
5	LƯU LINH CHI	66654516-00-3901	07/12/2014	Nữ	Nùng		
6	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỄM	66654516-00-3896	01/02/2014	Nữ	Tày		
7	HOÀNG TRẦN MINH ĐỨC	66654516-00-3908	08/6/2014	Nam	Nùng		
8	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	66654516-00-3904	10/10/2014	Nữ	Kinh		
9	NGUYỄN THỊ KIM HẰNG	66654516-00-3894	30/11/2014	Nữ	Tày		
10	Y ĐỀ VIN KBUỜ	66654516-00-3898	17/3/2014	Nam	Ê-đê		
11	HỨA MINH KIÊN	66654516-00-3909	25/7/2014	Nam	Nùng		
12	H THÙY LINH KRIÊNG	66654516-00-3916	27/5/2014	Nữ	Ê-đê		
13	BÊ ÍCH HUỖNH LÊ	66654516-00-3926	11/6/2014	Nam	Tày		
14	LỤC THỊ CẨM LY	66654516-00-3917	10/11/2014	Nữ	Nùng		
15	ĐÀM THỊ BẢO NGỌC	66654516-00-3902	03/10/2014	Nữ	Nùng		
16	CHU ÁNH NGUYỆT	66654516-00-3912	27/9/2014	Nữ	Tày		
17	LỤC ĐĂNG NHẬT	66654516-00-3921	18/01/2014	Nam	Nùng		
18	HOÀNG LÝ GIA NHƯ	66654516-00-3900	24/4/2014	Nữ	Tày		
19	HỨA THỊ HOÀI NHƯ	66654516-00-3918	20/12/2014	Nữ	Nùng		
20	NGUYỄN MỸ NHƯ	66654516-00-3903	28/3/2014	Nữ	Kinh		
21	Y KAWY NIÊ	66654516-00-3923	12/8/2014	Nam	Ê-đê		
22	Y NI KA NIÊ	66654516-00-3897	07/10/2013	Nam	Ê-đê		
23	Y NÔ SA NIÊ	66654516-00-3899	25/6/2014	Nam	Ê-đê		
24	Y SAM NIÊ	66654516-00-3933	04/01/2014	Nam	Ê-đê		
25	Y XA VI NIÊ	66654516-00-3927	13/4/2014	Nam	Ê-đê		
26	NGUYỄN THANH PHUỖI	66654516-00-3929	02/6/2014	Nữ	Kinh		
27	NÔNG THỊ NHƯ QUỲNH	66654516-00-3907	04/01/2014	Nữ	Tày		
28	HOÀNG VIỆT THÁI	66654516-00-3895	28/01/2013	Nam	Nùng		
29	LƯU THỊ HỒNG THẨM	66654516-00-3914	15/9/2024	Nữ	Tày		
30	HOÀNG NGỌC PHƯƠNG	66654516-00-3911	12/02/2014	Nữ	Nùng		
31	TẠ QUANG THIÊN	66654516-00-3931	21/6/2014	Nam	Kinh		
32	NÔNG ĐAN THUỖ	66654516-00-3924	19/12/2014	Nữ	Nùng		
33	NGUYỄN NGỌC THUỖ T	66654516-00-3928	18/3/2014	Nữ	Kinh		
34	TIÊU NGỌC TIẾN	66654516-00-3922	07/01/2014	Nam	Nùng		
35	TRẦN THỊ THỦY TRANG	66654516-00-3925	09/01/2014	Nữ	Kinh		
36	HỨA HOÀNG NHẬT TRƯ	66654516-00-3913	13/01/2014	Nam	Nùng		
37	HOÀNG HÀ CÁT TƯỜNG	66654516-00-3919	19/7/2014	Nữ	Nùng		
38	TRIỆU THỊ TÔ UYÊN	66654516-00-3915	18/12/2014	Nữ	Nùng		
39	LƯƠNG THỊ YẾN VI	66654516-00-3920	04/02/2014	Nữ	Nùng		
40	VŨ TUÂN VŨ	66654516-00-3930	16/01/2014	Nam	Kinh		

Ea Phê, ngày 15 tháng 08 năm 2025